

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Phương A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt có lý do)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và có hành vi bạo lực gia đình và đỉnh điểm vợ

chồng đánh nhau vào tháng 03 năm 2023 anh T đã đánh chị do không chịu được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để đẻ sinh sống cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn ai quan tâm đến nhau, không còn liên hệ gì đến nhau nên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Hữu T .

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 và cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018. Hiện nay hai cháu đang ở với bố, Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh C đến khi cháu đủ 18 tuổi, còn cháu Nguyễn Thảo V giao cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng chăm sóc cho đến cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung và công nợ chung không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Bùi Phương A vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị Phương A có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh C đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc cháu Thảo V đến khi đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu. Về tài sản chung và công nợ chung chị Phương A không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện như sau:

- Bị đơn anh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết Tòa án đã về làm việc tại gia đình anh T thì anh T đã có ý kiến với Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị do anh bị tai nạn sức khỏe yếu, chị Phương A đi làm công ty nên thay đổi tình cảm, không cho anh T ngủ cùng chị Phương A không còn tình cảm gì với anh T nên chị Phương A đã chuyển về nhà ngoại ở huyện L, tỉnh Hòa Bình để sinh sống cho đến nay. Chị Phương A nộp đơn xin ly hôn anh T không muốn ly hôn với chị Bùi Phương A1 vì anh vẫn còn tình cảm với chị Phương A, tuy nhiên nếu chị Phương A kiên quyết xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý.

Về con chung: anh và chị P anh có hai con chung là cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 và cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018 hiện nay đang với anh T và ông bà nội. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con vì không muốn tách các cháu ra để ảnh hưởng đến tinh thần của các cháu vì các cháu đang học tại xã G, huyện N, bản thân anh có thể đủ khả năng nuôi các cháu vì có bố mẹ tôi có thể hỗ trợ anh nuôi các cháu. Về cấp dưỡng anh T đề nghị chị

Phương A cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Phương A. Xử lý hôn giữa chị Bùi Phương A và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018 cho chị Bùi Phương A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 cho anh Nguyễn Hữu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Phương A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Phương A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 13/12/2024 là nguyên đơn chị Bùi Phương A và bị đơn anh Nguyễn Hữu T có đơn và ý kiến xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Phương A và anh Nguyễn Hữu T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 quyển số 02/2005 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và có hành vi bạo lực gia đình và đỉnh điểm vợ chồng đánh nhau vào tháng 03 năm 2023 anh T đã đánh chị A do không chịu được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống cho đến nay. Chị Phương A thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã có ý kiến với Tòa án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị do anh bị tai nạn sức khỏe yếu, chị Phương A đi làm công ty nên thay đổi tình cảm, không cho anh T ngủ cùng chị Phương A không còn tình cảm gì với anh nên chị Phương A đã chuyển về nhà ngoại ở huyện L, tỉnh Hòa Bình để sinh sống cho đến nay. Chị Phương A nộp đơn xin ly hôn anh T không muốn ly hôn với chị Bùi Phương A vì anh T vẫn còn tình cảm với chị Phương A, tuy nhiên nếu chị Phương A kiên quyết xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Chính quyền địa phương nơi chị Phương A và anh T đăng ký kết hôn và cư trú cũng xác nhận: Sau khi đăng ký kết hôn có sinh sống tại xã G, huyện N. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Phương A và anh T thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị

Phương A, anh T có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phương A, xử cho chị Bùi Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Phương A và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 và cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu với lý do không muốn tách các cháu ra để ảnh hưởng đến tinh thần của các cháu vì các cháu đang học tại xã G, huyện N, bản thân anh có thể đủ khả năng nuôi các cháu vì có bố mẹ anh có thể hỗ trợ anh nuôi các cháu. Quá trình giải quyết chị Phương A trình bày chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh C đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thảo V giao cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng chăm sóc cho đến cháu V đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai của cháu V đề ngày 06/12/2024, cháu có trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là anh T vì ở bố và ông bà nội từ nhỏ. Cháu C do chưa đủ 07 tuổi nên không thực hiện việc hỏi ý kiến của cháu V. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nguyện vọng được nuôi con của anh T và chị Phương A là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và điều kiện sống của các cháu được học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Bùi Phương A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Phương A không yêu cầu cấp dưỡng, anh T yêu cầu chị Phương A cấp dưỡng thì thấy việc giao cho chị Phương A nuôi cháu C và anh T nuôi cháu V là mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị Phương A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Phương A và anh T không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Bùi Phương A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị Bùi Phương A được ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu T. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Phương A và anh Nguyễn Hữu T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 05/3/2018 cho chị Bùi Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 04/10/2014 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không phải ai cấp dưỡng nuôi con chung.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Phương A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001426 ngày 19 tháng 11 năm 2024.

5. Án xử công khai sơ thẩm chị Bùi Phương A và anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

